

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Sen.

Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2024 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị L, sinh năm: 1993 “có đơn đề nghị xét xử mặt”.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Kim T, sinh năm: 1991 “vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Thạch Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: chị Thạch Thị L và anh Kim T tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn chị L và anh T chung sống hạnh phúc

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị L và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị L và anh T có 02 người con chung tên Kim Thị Ngọc D, sinh ngày 09/9/2012 và Kim Thái N, sinh ngày 19/11/2014. Hiện nay cháu D và cháu N đang sống chung với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L thống nhất cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và cháu N cho đến khi cháu D và cháu N thành niên. Chị L sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị L và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Kim T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, nên anh T đã biết được yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị L. Anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L.

Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Kim T tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng anh T vắng mặt không có lý do và anh T cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị L. Về hôn nhân: xử cho chị Thạch Thị L được ly hôn với anh Kim T; về con chung: giao 02 cháu Kim Thị Ngọc D, sinh ngày 09/9/2012 và Kim Thái N, sinh ngày 19/11/2014 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D và cháu N thành niên; về cấp dưỡng nuôi con: do anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên chị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị L, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: chị L và anh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện 07 tháng 02 năm 2024 của nguyên đơn chị Thạch Thị L thì chị L kiện anh Kim T là bị đơn cư trú tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn anh Kim T, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chị Thạch Thị L là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[1.4] Anh Kim T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Thạch Thị L và anh Kim T tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị L và anh T chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên chị L và anh T sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị L và anh T không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ đến đầu năm 2016. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị L và anh T không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng chị L yêu cầu được ly hôn; anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Thạch Thị L và anh Kim T có 02 người con chung tên Kim Thị Ngọc D, sinh ngày 09/9/2012 và Kim Thái N, sinh ngày 19/11/2014. Từ khi chị L và anh T sống ly thân cho đến

nay anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu N. Chị L thống nhất cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và cháu N; anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L; nguyện vọng của cháu D và cháu N yêu cầu được tiếp tục sống chung với anh T.

Xét thấy: từ khi chị L và anh T sống ly thân cho đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu N. Hiện nay cháu D và cháu N đang có cuộc sống ổn định cùng với anh T, nguyện vọng của cháu D và cháu N cũng yêu cầu được sống chung với anh T, nên việc chị L thống nhất cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và cháu N là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu D và cháu N và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, xử giao cháu D và cháu N cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D và cháu N thành niên. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên chị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị L, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Thạch Thị L và anh Kim T không có tài sản chung, chị L và anh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Thạch Thị L và anh Kim T không có nợ chung, chị L và anh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị L, xử cho chị Thạch Thị L được ly hôn với anh Kim T; về con chung: giao 02 cháu Kim Thị Ngọc D và Kim Thái N cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D và cháu N thành niên; về cấp dưỡng nuôi con: do anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên chị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: chị L và anh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Thạch Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003092 ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Kim T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị L.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Thạch Thị L được ly hôn với anh Kim T.

2. Về con chung: giao 02 cháu Kim Thị Ngọc D, sinh ngày 09/9/2012 và Kim Thái N, sinh ngày 19/11/2014 cho anh Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D và cháu N thành niên. Chị Thạch Thị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị L, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Thạch Thị L và anh Kim T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Thạch Thị L và anh Kim T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Thạch Thị L phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003092 ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Kim T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Thạch Thị L và bị đơn anh Kim T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề;
- Lưu: hồ sơ vụ án.